

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2023/HS-ST
Ngày 29/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên.
2. Ông Nguyễn Hữu Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh, Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2023/HS-ST ngày 21/4/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-HS ngày 16/5/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Đình H (tên gọi khác: Bắc K), sinh ngày 25 tháng 6 năm 1991; tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi thường trú: Thôn 13, xã D, Hện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: 33 Y S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Vũ Văn T (đã chết); Con bà: Trần Thị D (sinh năm: 1954);

Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Phạm Văn N, sinh năm 1995; bị cáo có 01 con là Phạm Gia L, sinh năm 2013. Tiền sự: Không. Tiền án: 03 tiền án.

Ngày 25/12/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm xử phạt 04 năm 06 tháng tù giam, về tội trộm cắp tài sản (tại Bản án số 363/2013/HSST), bị cáo kháng cáo. Ngày 08/4/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm, tổng hợp hình phạt với bản án số 03/2014/HSST ngày 26/02/2014 của Tòa án nhân dân Hện C, tỉnh Đắk Lắk, buộc Vũ Đình H phải chấp hành hình phạt 05 năm 06 tháng tù (tại Bản án số 109/2014/HSPT), bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 26/02/2014, bị Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản (tại Bản án số 03/2014/HSST), bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 25/11/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 04 năm tù giam, về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với bản án số 109/2014/HSPT ngày 08/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, buộc Vũ Đình H phải chấp hành hình phạt 09 năm 06 tháng tù (tại Bản án số 299/2014/HSST). Ngày 12/6/2022, chấp hành xong hình phạt tù, về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 20/3/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 tháng 07 ngày tù, về tội trộm cắp tài sản, (tại bản án 71/2008/HSST), bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 01/7/2008, bị Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm xử phạt 06 tháng tù, về tội trộm cắp tài sản, (tại Bản án 10/2008/HSST), bị cáo kháng cáo. Ngày 09/9/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm xử phạt 03 tháng tù, về tội trộm cắp tài sản, (tại Bản án 188/2008/HSPT), bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 14/7/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội cố ý gây thương tích, tổng hợp hình phạt của Bản án số 188/2008/HSPT ngày 09/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, buộc Vũ Đình H phải chấp hành 01 năm 09 tháng tù (tại Bản án 248/2009/HSST), bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 30/9/2009, bị tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội cố ý gây thương tích, tổng hợp hình phạt của Bản án số 249/2009/HSST ngày 14/7/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, buộc Vũ Đình H phải chấp hành 03 năm 03 tháng tù (tại bản án 248/2009/HSST). Ngày 20/01/2012, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo Vũ Đình H đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 23/11/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn T, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1982; tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn T (đã chết); Con bà Phạm Thị X (đã chết); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: 03 tiền án.

Ngày 13/01/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 30 tháng tù giam, về tội Mua bán trái phép chất ma túy (tại bản án số 34/HSST). Ngày 29/6/2004, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 26/10/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 08 năm tù về mua bán trái phép chất ma túy (tại bản án số 262/2007/HSST). Ngày 28/3/2015, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 20/8/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 08 năm tù giam, về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (tại bản án số 248/2015/HSST). Ngày 17/6/2022, chấp hành xong hình phạt tù, về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo Nguyễn T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột, từ ngày 23/11/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Ông Lý Quý H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 11 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Hiền T, sinh năm 2004.

Địa chỉ: 216A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 2000.

Địa chỉ: 216A N, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Bà Bùi Thị Lan A, sinh năm 1999.

Địa chỉ: 216A N, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

6. Bà Đoàn Thị V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 184 D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Xuân T, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số nhà 83 đường A, thôn 3, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 216A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Ông Mai Trọng Trung T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 07/10 C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Ông Lê Nguyễn Anh D, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 308/17 T, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Bà Phạm Văn N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

6. Bà Hoàng Hồng N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 127/54G Âu C, Phường 14, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 08/10/2022 đến ngày 21/11/2022, tại địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột bị cáo H và bị cáo T đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ, ngày 08/10/2022, T điều khiển xe mô tô hiệu Attila, màu vàng, biển số 54K3 – 9283, chở H ngồi sau đi đến xã E, thành phố B để trộm cắp tài sản. Khi T và H đi đến nhà của anh Nguyễn Văn T, tại xã E, thành phố B, thì thấy phía trên cửa chính của ngôi nhà có một khoảng hở nên T và H dựng xe mô tô trên ở lề đường rồi H trèo lên cửa kéo chui vào khoảng trống, còn T đứng ngoài canh giới. H đi T phòng ngủ trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Realme C21Y, màu đen, dung lượng 64G và 01 ví da màu nâu bên trong có 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ Căn cước công dân, 01 giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Văn T. Sau đó, H lấy chìa khóa nhà anh T đưa ra ngoài cho T để T mở cửa cổng, rồi H đi xuống bếp lấy chìa khóa xe mô tô và đi lên phòng khách trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria 150, biển số 75G1 – 453.29 (của anh Ngô Xuân T cho anh T mượn sử dụng làm phương tiện đi lại), đề nổ máy điều khiển xe mô tô ra ngoài cùng T điều khiển xe mô tô biển số 54K3 – 9283 tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, H và T vứt bỏ ví da cùng giấy tờ của anh T ở ngoài đường (chưa xác định được vị trí). Sau đó, H mang điện thoại Realme và xe mô tô biển số 75G1 – 453.29, bán cho một người đàn ông qua đường (Chưa xác định nhân thân, lai lịch) được tổng số tiền 6.000.000 đồng, H và T chia nhau sử dụng cá nhân hết. Còn anh T, sau khi phát hiện bị mất tài sản đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 06/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria 150, biển số 75G1 – 453.29, trị giá: 38.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Realme C21Y, màu đen, dung lượng 64G, trị giá: 1.100.000 đồng và 01 ví da màu nâu, Hội đồng định giá từ chối định giá do không đủ cơ sở định giá. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 39.600.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 12/10/2022, H điều khiển xe mô tô, biển số 54K3 – 9283 chở T ngồi sau khi T nhà của bà Lý Quý H tại phường T, thành phố B, thì phát hiện cửa chính tầng 2 của căn nhà đang mở. Lúc này, H đứng ở ngoài cánh giới, còn T trèo lên tầng 2 của căn nhà đột nhập vào phòng ngủ số 1 tầng 3 trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu vàng, dung lượng 32GB, rồi T đi qua phòng ngủ số 2 tầng 3, tiếp tục trộm cắp 01 điện thoại hiệu Black Berry. Sau đó, T đi xuống tầng 1 trộm cắp 01 điện thoại hiệu Iphone Xs Max, màu đen, dung lượng 64GB ở cạnh chân cầu thang rồi cùng H tẩu thoát. H mang điện thoại Iphone 7Plus và điện thoại hiệu Iphone Xs bán cho một người thanh niên qua đường (chưa xác định nhân thân, lai lịch) ở khu vực Chợ T, thành phố B, được số tiền 600.000 đồng, H chia T 300.000 đồng, còn chiếc điện thoại hiệu Black Berry H thấy không còn sử dụng được nên vứt bỏ ven đường (chưa xác định được vị trí). Sau khi phát hiện bị

mất tài sản, bà Lý Quý H đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu vàng, dung lượng 32GB, trị giá 2.400.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Iphone Xs Max, màu đen, dung lượng 64GB, trị giá 6.500.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Black Berry, Hội đồng định giá từ chối định giá do không đủ cơ sở định giá. Tổng giá trị tài sản là 8.900.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 19/11/2022, H điều khiển xe mô tô, biển số 54K3 – 9283 chở T ngồi sau khi đi đến tiệm Spa CoCo Beauty, tại phường T, thành phố B do chị Bùi Thị T, làm chủ thì phát hiện cửa chính trên tầng 2 của căn nhà đang mở. Sau đó, H đứng ngoài cảnh giới, còn T trèo lên tầng 2 của căn nhà trộm cắp 01 điện thoại hiệu OPPO A74, màu xanh tím của chị Trần Thị Hiền T, T đi xuống tầng 1 trộm cắp 01 điện thoại hiệu Iphone 6, màu trắng, dung lượng 32GB của chị Nguyễn Thị Thu Y đang để trên kệ tủ gần cửa ra vào; số tiền 1.000.000 đồng của chị Bùi Thị Lan A đang để trong giỏ xách trong hộc bàn quầy thu ngân, rồi đi ra ngoài cùng H tẩu thoát. H mang 02 điện thoại trộm cắp được của chị T và chị Y bán cho một người thanh niên qua đường (chưa xác định nhân thân, lai lịch) được số tiền 2.300.000 đồng, rồi chia cho T tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị T, chị Y và chị Lan A đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 điện thoại hiệu OPPO A74, màu xanh tím, trị giá 2.500.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Iphone 6, màu trắng, dung lượng 32GB, trị giá 600.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 3.100.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 01 giờ ngày 21/11/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 54K3 – 9283 chở H ngồi sau khi đi đến nhà của chị Đoàn Thị V. tại phường T1 thành phố B, thì thấy cửa chính của ngôi nhà khép hờ. Lúc này, H đứng ở bên ngoài cảnh giới còn T trèo qua hàng rào đột nhập vào trong nhà thì phát hiện có 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision , biển số 47U1 – 189.91, T đi vào phòng ngủ của căn nhà trộm cắp 01 điện thoại hiệu ViVo 2025, màu xanh và 01 ví da nữ, màu đỏ. Sau đó, T kiểm tra bên trong ví da có chìa khóa cổng, chìa khóa bấm của xe mô tô, giấy tờ tùy thân của chị V và tiền mặt nên T lấy chìa khóa cổng mở cổng và dắt xe mô tô biển số 47U1 – 189.91 ra ngoài nổ máy, cùng H điều khiển xe Attila tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, T và H kiểm tra bên trong ví da thì phát hiện có số tiền 3.500.000 đồng; 01 đăng kí xe mô tô, 01 bảo hiểm xe mô tô 47U1 – 189.91, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank đều mang tên Đoàn Thị V, T và H lấy tiền, đăng ký xe và bảo hiểm xe, còn ví da và các giấy tờ còn lại vứt ven đường (chưa xác định được vị trí). Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, H mang xe mô tô biển số 47U1 – 189.91 và giấy tờ xe đến, nhờ anh Mai

Trọng Trung T nhờ anh T đi cầm cố giúp. Do không biết đây là tài sản trộm cắp mà có, anh T mang xe ô tô đến cầm cố cho anh Nguyễn Anh D, trú tại: 308/17 Trần P, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột với giá 19.000.000 đồng và đưa lại tiền cho H, H chia cho T số tiền 7.500.000 đồng. Riêng chiếc điện thoại hiệu Vivo, T giữ lại sử dụng. Còn chị V, sau khi phát hiện bị mất tài sản đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 213/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 điện thoại hiệu ViVo 2025, màu xanh, trị giá 1.300.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển số 47U1 – 189.91, trị giá 34.600.000 đồng; 01 ví da nữ, màu đỏ, Hội đồng định giá từ chối định giá do không đủ cơ sở định giá. Tổng trị giá tài sản là 35.900.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 130/CT-VKS - HS ngày 20/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Vũ Đình H, về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn T, về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T đều khai nhận Hành vi phạm tội của các bị cáo như bản Cáo trạng nêu trên là đúng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, những lời khai đó là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung nhục hình gì.

Những lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là khách quan, đầy đủ, đúng tình tiết của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản b, c, g khoản 2 Điều 173, điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Đình H mức án từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng c, g khoản 2 Điều 173, điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn T mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Đình H và bị cáo Nguyễn T liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.100.000 đồng (là tiền trị giá, 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu đen, các bị cáo đã trộm cắp ngày 08/10/2022); cho anh Ngô Xuân T số tiền 38.500.000 đồng (là tiền trị giá 01 xe mô tô biển số 75G1 – 453.29, các bị cáo đã trộm cắp ngày 08/10/2022); cho chị Trần Thị Hên T số tiền 2.500.000 đồng (là tiền trị giá, 01 điện thoại hiệu OPPO A74, màu xanh tím, các bị cáo trộm cắp vào ngày 19/11/2022); cho chị Nguyễn Thị Thu Y số tiền 600.000 đồng (là tiền trị giá, 01 điện thoại hiệu Iphone 6, màu trắng, các bị cáo trộm cắp vào ngày 19/11/2022); cho chị Bùi Thị Lan A số tiền 1.000.000 đồng (là tiền các bị cáo trộm

cấp vào ngày 19/11/2022); cho anh Lê Nguyễn Anh D số tiền 19.000.000 đồng (là tiền trị giá, 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển số 47U1 – 189.91, mà anh Duy đã nhận cầm cố vào ngày 21/11/2022).

Chấp nhận việc bà Lý Quý H không yêu cầu các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T phải bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định, 01 điện thoại di động hiệu ViVo 2025, màu xanh; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển số 47U1 – 189.91; 01 chứng nhận đăng kí xe mô tô số 001357, 01 chứng minh nhân dân số 241463889; 01 chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển số 47U1–189.91, đều mang tên Đoàn Thị V, là tài sản của chị Đoàn Thị V. Ngày 22/3/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Đoàn Thị V nhận quản lý, sử dụng, là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô, hiệu Attila, biển số 54K3 – 9283 do chị Hoàng Hồng N, trú tại: Số 127/56G Âu Cơ, phường 14, Quận 11, thành phố H đứng tên sở hữu. Năm 2011, chị Hồng N bán lại xe mô tô trên cho người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Đến năm 2022, chị Phạm Vân Nhi, trú tại: Tổ dân phố 5, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột mua lại xe mô tô trên của một người (chưa rõ nhân thân, lai lịch), chị V Nhi cho bị can H mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, việc H sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội, chị V Nhi không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác định được nguồn gốc xe mô tô biển số 54K3 – 9283 nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy S10, màu xanh, là tài sản của bị cáo Vũ Đình H, không sử dụng vào việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

Đối với những người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người đã mua xe mô tô biển số 75G1 – 453.29 và 01 điện thoại di động hiệu Realme C21Y (Vụ 1); 01 điện thoại hiệu Iphone Xs Max và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu vàng (Vụ 2); 01 điện thoại hiệu OPPO A74, màu xanh tím; 01 điện thoại hiệu Iphone 6, màu trắng (Vụ 3). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với người nam thanh niên (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực Hoa viên phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột là người bán ma túy cho các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T, Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

Các bị cáo đồng ý với lời luận tội và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của các bị cáo Vũ Đình H, Nguyễn T lợi dụng sơ hở của chủ tài sản đã lén lút chiếm đoạt của Nguyễn Văn T, 01 điện thoại di động hiệu Realme, trị giá 1.100.000 đồng; của anh Ngô Xuân T, 01 xe mô tô, hiệu Suzuki Satria, biển số 75G1 – 453.29, trị giá 38.500.000 đồng; của bà Lý Quý H, 01 điện thoại hiệu Iphone Xs Max, trị giá 6.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, trị giá 2.400.000 đồng; của chị Trần Thị Hên T, 01 điện thoại hiệu OPPO A74, trị giá 2.500.000 đồng; của chị Nguyễn Thị Thu Y 01 điện thoại hiệu Iphone 6, trị giá 600.000 đồng; chị Bùi Thị Lan A số tiền 1.000.000 đồng và của chị Đoàn Thị V, 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 47U1 – 189.91, trị giá 34.600.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu ViVo 2025, trị giá 1.300.000 đồng và số tiền 3.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 92.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Vũ Đình H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) Phạm tội có tính chất cHên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

g) Tái phạm nguy hiểm”.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của nhiều bị hại, mà còn gây nên những ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên khoảng 01 giờ ngày 08/10/2022, tại xã E, thành phố Buôn Ma Thuột, các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T đã chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T, 01 điện thoại di động hiệu Realme, trị giá 1.100.000 đồng và của anh Ngô Xuân T, 01 xe mô tô, hiệu Suzuki Sataria, biển số 75G1 – 453.29, trị giá 38.500.000 đồng. Đến khoảng 01 giờ ngày 12/10/2022, tại phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T đã chiếm đoạt của bà Lý Quý H, gồm 01 điện thoại hiệu Iphone Xs Max, trị giá 6.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, trị giá 2.400.000 đồng. Khoảng 01 giờ ngày 19/11/2022, tại phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, chiếm đoạt của chị Trần Thị Hên T, 01 điện thoại hiệu OPPO A74, trị giá 2.500.000 đồng; của chị Nguyễn Thị Thu Y 01 điện thoại hiệu Iphone 6, trị giá 600.000 đồng; của chị Bùi Thị Lan A số tiền 1.000.000 đồng. Khoảng 01 giờ ngày 21/11/2022, tại phường T, thành phố B, các bị cáo chiếm đoạt của chị Đoàn Thị V, gồm 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 47U1 – 189.91, trị giá 34.600.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu ViVo 2025, trị giá 1.300.000 đồng và số tiền 3.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 92.000.000 đồng. Cho nên đối với các bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy mới đảm bảo phát H tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Trong vụ án này có 02 bị cáo tham gia với vai trò và tính chất khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp. Bị cáo Vũ Đình H là người có nhiều tiền án, về tội trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn T có nhiều tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và đều chưa được xóa án tích, các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, bị cáo H phạm tội có tính chất cHên nghiệp. Vì vậy, mức hình phạt của bị cáo H là cao và nghiêm khắc hơn bị cáo T là phù hợp.

[5] Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, khai ra hành vi phạm tội của mình trước đó. Đây là, tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên

cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc bà Lý Quý H không yêu cầu các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T phải bồi thường gì là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo Vũ Đình H và bị cáo Nguyễn T liên đới bồi thường cho những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

Bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.100.000 đồng (là tiền trị giá, 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu đen, các bị cáo đã trộm cắp ngày 08/10/2022). Được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 550.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 550.000 đồng.

Bồi thường cho anh Ngô Xuân T số tiền 38.500.000 đồng (là tiền trị giá 01 xe mô tô biển số 75G1 – 453.29, các bị cáo đã trộm cắp ngày 08/10/2022). Được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 19.250.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 19.250.000 đồng.

Bồi thường cho chị Trần Thị Hiền T số tiền 2.500.000 đồng (là tiền trị giá, 01 điện thoại hiệu OPPO A74, màu xanh tím, các bị cáo trộm cắp vào ngày 19/11/2022). Được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 1.250.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 1.250.000 đồng.

Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu Y số tiền 600.000 đồng (là tiền trị giá, 01 điện thoại hiệu Iphone 6, màu trắng, các bị cáo trộm cắp vào ngày 19/11/2022). Được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 300.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 300.000 đồng.

Bồi thường cho chị Bùi Thị Lan A số tiền 1.000.000 đồng (là tiền các bị cáo trộm cắp vào ngày 19/11/2022). Được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 500.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 500.000 đồng.

Bồi thường cho anh Lê Nguyễn Anh D số tiền 19.000.000 đồng (là tiền trị giá, 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển số 47U1 – 189.91, mà anh Duy đã nhận cầm cố vào ngày 21/11/2022). Được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 9.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 9.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra xác định, 01 điện thoại di động hiệu ViVo 2025, màu xanh; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển số 47U1 – 189.91; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001357, 01 chứng minh nhân dân số 241463889; 01 chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển số 47U1–189.91, đều mang tên Đoàn Thị V, là tài sản của chị Đoàn Thị V. Ngày 22/3/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn

Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Đoàn Thị V nhận quản lý, sử dụng, là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô, hiệu Attila, biển số 54K3 – 9283 do chị Hoàng H N. Năm 2011, chị H N bán lại xe mô tô trên cho người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Đến năm 2022, chị Phạm Vân N, mua lại xe mô tô trên của một người (chưa rõ nhân thân, lai lịch), chị V N cho bị cáo H mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, việc bị cáo H sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội, chị V Nhi không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác định được nguồn gốc xe mô tô biển số 54K3 – 9283 nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy S10, màu xanh, là tài sản của bị cáo Vũ Đình H, không sử dụng vào việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án. (Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án thành phố B ngày 17/5/2023).

Đối với những người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người đã mua xe mô tô biển số 75G1 – 453.29 và 01 điện thoại di động hiệu Realme C21Y (Vụ 1); 01 điện thoại hiệu Iphone Xs Max và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus, màu vàng (Vụ 2); 01 điện thoại hiệu OPPO A74, màu xanh tím; 01 điện thoại hiệu Iphone 6, màu trắng (Vụ 3). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với người nam thanh niên (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực Hoa viên phường T, thành phố B là người bán ma túy cho các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T, Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đình H và bị cáo Nguyễn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173, điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đình H 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/11/2022.

Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/11/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 123, Điều 131, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc bà Lý Quý H không yêu cầu các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T phải bồi thường gì là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo Vũ Đình H và bị cáo Nguyễn T liên đới bồi thường cho những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

Bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.100.000 đồng, được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 550.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 550.000 đồng.

Bồi thường cho anh Ngô Xuân T số tiền 38.500.000 đồng, được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 19.250.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 19.250.000 đồng.

Bồi thường cho chị Trần Thị Hiền T số tiền 2.500.000 đồng, được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 1.250.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 1.250.000 đồng.

Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu Y số tiền 600.000 đồng, được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 300.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 300.000 đồng.

Bồi thường cho chị Bùi Thị Lan A số tiền 1.000.000 đồng, được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 500.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 500.000 đồng.

Bồi thường cho anh Lê Nguyễn Anh D số tiền 19.000.000 đồng, được chia phần cụ thể bị cáo Vũ Đình H bồi thường số tiền 9.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn T bồi thường số tiền 9.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 điện thoại di động hiệu ViVo 2025, màu xanh; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển số 47U1 – 189.91; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001357, 01 chứng minh nhân dân số 241463889; 01 chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển số

47U1–189.91, đều mang tên Đoàn Thị V, cho bà Đoàn Thị V nhận quản lý, sử dụng. Trả lại 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy S10, màu xanh, cho bị cáo Vũ Đình H, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án. (Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án thành phố B ngày 17/5/2023).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Vũ Đình H và Nguyễn T mỗi bị cáo phải nộp 1.567.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh